

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Trần Ái Vy

Các Hôi thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Minh Hiền
2. Ông Nguyễn Thành Lân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Ngọc Lữ, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 357/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị M, năm sinh 1969; Địa chỉ: Số 70 đường T, Phường C, quận B, Thành phố H (Có mặt).

2. *Bi đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1947

Địa chỉ: 88 đường T, Phường C, quận B, Thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1980, địa chỉ: 88 đường T, Phường C, quận B, Thành phố H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày: Vào ngày 02/3/2019, bà có cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 120.000.000 đồng, thời gian cho vay là từ ngày 02/3/2019 đến ngày 02/9/2019, lãi suất ghi trên giấy nợ là 2%/tháng tuy nhiên thực tế lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/tháng. Bà Nchưa hề thanh toán cho bà bất kỳ số tiền nợ gốc và lãi nào. Hết thời hạn vay trên giấy mượn tiền nhưng bà Nvẫn không hoàn trả lại tiền vay cũng như không tiếp tục trả lãi dù bà nhiều lần đòi nợ. Hai bên là hàng xóm, cũng đã có quan hệ vay mượn từ trước và ghi nhận bằng nhiều giấy nợ với nhau sau đó mới chốt nợ bằng giấy mượn tiền ngày 02/3/2019. Bà được biết theo quy định của pháp luật, lãi suất cho vay được tính tối đa là 20%/năm nên bà yêu cầu bà Ntrả tiền lãi theo mức lãi suất là 20%/năm. Đây là số tiền của bà cho cá nhân bà Nvay nên bà yêu cầu bà Ntrả. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ntrả cho bà số tiền là 164.333.333 đồng trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 02/3/2019 đến ngày 07/01/2021 theo mức lãi suất là 20%/năm số tiền là: 44.333.333 đồng. Yêu cầu bà Ntrả một lần số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Ncó người đại diện hợp pháp là bà Vũ Thị Hiền trình bày: Ngày 02/3/2019, bà Nguyễn Thị Ncó vay bà Lê Thị M số tiền 120.000.000 đồng, thời gian cho vay là từ 02/3/2019 đến ngày 02/9/2019, lãi suất cho vay là 4%/tháng. Nay bà M chỉ yêu cầu tính lãi suất 20%/năm, bà Nđồng ý và không có ý kiến gì về việc tính lãi này. Bà Nxác nhận bà còn nợ bà M số tiền là số tiền là 164.333.333 đồng trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 02/3/2019 đến ngày 07/01/2021 theo mức lãi suất là 20%/năm số tiền là: 44.333.333 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M, bà Nđề nghị Tòa án cũng như bà M tạo điều kiện cho bà Nthanh toán hàng tháng số tiền là 1.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 02/3/2019, căn cứ vào lời trình bày và thừa nhận của các đương sự trong vụ án có căn cứ xác định: Bà Nguyễn Thị Ncó vay của bà Lê Thị M số tiền là 120.000.000 đồng, thời gian cho vay là từ ngày 02/3/2019 đến ngày 02/9/2019, lãi suất là 4%/tháng. Bà Nchưa hề thanh toán cho bà M bất kỳ số tiền nợ gốc và lãi nào. Bà M chỉ yêu cầu tính lãi là 20%/năm, hai bên xác nhận bà Ncòn nợ bà M số tiền là 164.333.333 đồng trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 02/3/2019 đến ngày 07/01/2021 số tiền là: 44.333.333 đồng. Bà M

yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả một lần số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà N đề nghị Tòa án cũng như bà M tạo điều kiện cho bà thanh toán hàng tháng số tiền là 1.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ. Xét yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc và lãi của nguyên đơn là có căn cứ, yêu cầu bị đơn trả một lần số tiền nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự thể hiện giữa bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị N có quan hệ vay mượn tiền nên có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Xét thấy bị đơn bà Nguyễn Thị N có nơi cư trú tại quận Tân Bình, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét giấy vay tiền đề ngày 02/3/2019 giữa bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị N thể hiện tại thời điểm giao kết các chủ thể có đầy đủ năng lực pháp luật, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật và về hình thức, nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 116, Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét bà M yêu cầu bà N trả số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ 02/3/2019 đến ngày 07/01/2021 số tiền là 44.333.333 đồng: Căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 02/3/2019, căn cứ vào lời trình bày và thừa nhận của các đương sự trong vụ án có căn cứ xác định: Bà Nguyễn Thị N có vay của bà Lê Thị M tổng số tiền là 120.000.000 đồng. Trên giấy mượn tiền ghi thời hạn vay từ ngày 02/3/2019 đến ngày 02/9/2019, lãi suất là 2%/tháng tuy nhiên thực tế lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/tháng. Bà N chưa hề thanh toán cho bà M bất kỳ số tiền nợ gốc và lãi nào. Hai bên thừa nhận có quan hệ vay mượn từ trước và ghi nhận bằng nhiều giấy nợ với nhau, thống nhất chốt lại số nợ bằng giấy mượn tiền ngày 02/3/2019. Điều này đã được thể hiện qua các giấy mượn tiền ngày 03/01/2018, ngày 01/10/2018 mà bà M cung cấp cho Tòa án. Bà M yêu cầu bà N trả tiền lãi theo mức lãi suất là 20%/năm, bà N đồng ý mức lãi suất 20%/năm đồng thời xác nhận bà còn nợ bà M số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng. Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà M khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền là 164.333.333 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi tạm

tính từ 02/3/2019 đến ngày 07/01/2021 số tiền là 44.333.333 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả một lần số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà N thừa nhận nợ tuy nhiên đề nghị Tòa án cũng như bà M tạo điều kiện cho bà thanh toán hàng tháng số tiền là 1.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ. Xét khoản nợ trên đã lâu, việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bị đơn làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả một lần số tiền nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tuy nhiên bà N là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí. Bà M được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị N trả cho bà Lê Thị M số tiền là 164.333.333 (Một trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba)

đồng trong đó bao gồm nợ gốc là 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng và tiền lãi là 44.333.333 (Bốn mươi bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 20%/năm cho đến khi thanh toán xong.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả lại cho bà Lê Thị M số tiền 4.080.000 (Bốn triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2019/0068355 ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tô Trần Ái Vy